

### HƯỚNG DẪN

**Thực hiện Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020**

Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020.

Để đảm bảo thống nhất triển khai trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 đã được ban hành tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND), với nội dung cụ thể như sau:

#### I. Giải thích từ ngữ

- Hỗ trợ sau đầu tư: Là việc hỗ trợ của Nhà nước sau khi dự án, phương án sản xuất, kinh doanh được phê duyệt và triển khai hoạt động.

- Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư: Là việc Nhà nước hỗ trợ một phần lãi suất cho chủ đầu tư vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư sản xuất, kinh doanh... sau khi phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh được phê duyệt và triển khai hoạt động.

- Điểm: Là diện tích đất thực hiện các hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp liên khu, liên khoảnh trên cùng 1 xứ đồng hoặc lô, khoảnh.

- Chuỗi giá trị: Là chuỗi của các hoạt động làm tăng giá trị tại mỗi bước trong quy trình, bao gồm từ khâu lập kế hoạch đến khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm tới tay người sử dụng.

- Trang trại chăn nuôi: Là cơ sở chăn nuôi đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên.

- Gia trại chăn nuôi: Là cơ sở chăn nuôi đáp ứng được yêu cầu chăn nuôi trâu, bò, lợn, dê với quy mô: Đàn trâu, bò từ 10 con trở lên đến dưới 50 con (không tính bê, nghé), đàn dê từ 50 con trở lên, đàn lợn từ 10 con lợn nái sinh sản trở lên hoặc nuôi thường xuyên từ 50 con lợn thịt trở lên. Đạt giá trị sản lượng hàng hóa tối thiểu 200 triệu đồng/năm.

- Cây gỗ lớn: Là các loại cây lâm nghiệp được trồng với mục đích kinh doanh cây gỗ lớn hoặc đa mục đích được khai thác sau 10 năm tuổi.

- Tổ chức tín dụng cho vay: Là các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại và các quỹ tín dụng trên địa bàn tỉnh.

## **II. Một số hướng dẫn chung**

**1. Quy định về trình tự, thủ tục vay vốn và thanh toán hỗ trợ lãi suất ngân hàng như sau:**

### **1.1. Lãi suất cho vay:**

Do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận theo nhu cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng một số nhu cầu vốn.

### **1.2. Thời điểm cho vay hỗ trợ lãi suất:**

Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết kể từ ngày 01/6/2017 đến 31/12/2020.

### **1.3. Điều kiện vay vốn, loại cho vay, mức cho vay, bảo đảm tiền vay:**

Thực hiện theo quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

### **1.4. Hồ sơ, thủ tục vay vốn:**

Ngoài việc thực hiện theo quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, cần thực hiện thêm một số nội dung:

Có văn bản hướng dẫn bổ sung vào hợp đồng tín dụng các nội dung có liên quan về hỗ trợ lãi suất; có hình thức phù hợp để theo dõi, thống kê, lưu giữ số liệu, hồ sơ về cho vay hỗ trợ lãi suất.

Sử dụng mẫu giấy tờ theo quy định tại văn bản này: Giấy đề nghị cho vay hỗ trợ lãi suất (Mẫu số 01/HTLS/2017).

### **1.5. Quy định về trình tự, thủ tục hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND:**

Bước 1: Các đối tượng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối tượng thuộc diện được hỗ trợ gửi bộ hồ sơ vay vốn đến các tổ chức tín dụng (TCTD). Ngoài bộ hồ sơ theo quy định của các TCTD, các đối tượng phải gửi đến các TCTD các hồ sơ, tài liệu sau:

- Quyết định phê duyệt đối tượng thuộc diện được hỗ trợ của cấp có thẩm quyền.

- Giấy đề nghị cho vay hỗ trợ lãi suất (Mẫu số 01/HTLS/2017) đã có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

Bước 2: Các TCTD thẩm định hồ sơ vay vốn của các đối tượng thuộc diện hỗ trợ theo quy định hiện hành. Trường hợp sau khi thẩm định hồ sơ, các đối tượng đủ điều kiện vay vốn và hỗ trợ lãi suất thì các TCTD ký kết hợp đồng tín dụng với các đối tượng vay thuộc diện được hỗ trợ lãi suất.

Trong trường hợp các đối tượng không đủ điều kiện vay vốn, hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất, các TCTD có văn bản thông báo (nêu rõ lý do) tới các đối tượng này.

Bước 3: Căn cứ vào mức hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế, khi thu lãi cho vay các TCTD giảm trừ số tiền lãi phải trả cho khách hàng vay và yêu cầu khách hàng vay xác nhận việc hỗ trợ lãi suất của ngân hàng.

Bước 4: Hàng quý, các TCTD gửi văn bản đề nghị Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất, kèm theo danh sách các đối tượng và số tiền lãi suất đã hỗ trợ cho từng đối tượng theo quy định và bản đối tượng vay xác nhận việc hỗ trợ lãi suất.

Bước 5: Sở Tài chính kiểm tra hồ sơ và trình UBND tỉnh quyết định cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất cho các TCTD trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của các TCTD.

Bước 6: Sau khi nhận được quyết định của UBND tỉnh, chậm nhất trong thời gian 03 ngày làm việc, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất bằng Lệnh chi tiền cho các TCTD.

Trường hợp qua kiểm tra của các cơ quan quản lý, phát hiện các đối tượng được hỗ trợ lãi suất sử dụng vốn sai mục đích hoặc không đảm bảo điều kiện được hỗ trợ lãi suất, các cơ quan quản lý có văn bản thông báo tới các TCTD. Các TCTD phối hợp với UBND cấp xã kiểm tra, xác minh. Theo đó, các TCTD yêu cầu các đối tượng nộp lại lãi suất đã được hỗ trợ và thu lãi suất tháng tiếp theo của các đối tượng được hỗ trợ. Các TCTD thông báo cho Sở Tài chính về việc dùng hỗ trợ lãi suất và Sở Tài chính sẽ thực hiện bù trừ với các TCTD vào đối tượng hỗ trợ tiếp theo.

## **2. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ thay đổi phương thức sản xuất (Điều 4, Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND)**

### **2.1. Hỗ trợ lãi xuất mua sắm máy móc thiết bị:**

Bước 1: Các Hợp tác xã (HTX) sau khi mua được máy móc thiết bị, tiến hành lập và gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến UBND cấp huyện (qua phòng một cửa). Hồ sơ đề nghị gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của UBND Phường, thị trấn (theo mẫu số 02);
- Hợp đồng mua bán, hóa đơn mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất bản công chứng.
- Giấy chứng nhận đăng ký HTX;

Bước 2: UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị của các HTX trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đã đảm bảo đủ điều kiện hỗ trợ, trong thời gian 02 ngày làm việc cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định trình UBND các huyện, thành phố quyết định phê duyệt các HTX được hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc thiết bị.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chưa đảm bảo đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định phải có văn bản thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn các HTX chỉnh

sửa, bổ sung hồ sơ (trong thời gian 03 ngày) theo đúng quy định. Trường hợp các HTX không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì không được phê duyệt hỗ trợ lãi suất; cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định báo cáo UBND huyện, thành phố lý do không hỗ trợ đối với các HTX.

Bước 3: Trên cơ sở đề nghị của cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định và các quy định hiện hành, UBND các huyện, thành phố quyết định phê duyệt các HTX được hỗ trợ lãi suất mua sắm máy móc thiết bị. Trình tự, thủ tục vay vốn và hỗ trợ lãi suất theo hướng dẫn tại mục 1 nêu trên.

## **2.2. Hỗ trợ xây dựng 10 mô hình Hợp tác xã kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị:**

Bước 1: Các Hợp tác xã căn cứ vào điều kiện, mức, phương thức hỗ trợ quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND, lập và gửi hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký HTX;
- Đơn đề nghị hỗ trợ Hợp tác xã kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị có xác nhận của chính quyền địa phương (theo mẫu số 02).
- Phương án thực hiện việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ và đầu tư sản xuất theo chuỗi giá trị. Trong Phương án thể hiện rõ các nội dung: Cơ sở sản xuất có đảm bảo hay không; quy mô sản xuất, nguồn lực thực hiện (nhân lực, vốn và các điều kiện khác để thực hiện sản xuất), loại hình ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, đầu tư sản xuất theo chuỗi giá trị; nêu rõ từng bước trong quy trình thực hiện chuỗi giá trị từ khâu thiết kế, sản xuất và giao sản phẩm chất lượng đến tay người sử dụng đối với từng mặt hàng (kèm theo các hồ sơ chứng minh) theo mẫu số 03 đính kèm.
- Hồ sơ, chứng từ mua bán giống, vật tư, phân bón, máy móc thiết bị.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Liên minh hợp tác xã tỉnh, các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố liên quan (liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương nào sẽ mời cơ quan, đơn vị thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương đó phối hợp thẩm định) tiến hành thẩm định hồ sơ của các HTX trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và lập biên bản thẩm định theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ đảm bảo đáp ứng các điều kiện để được nhận hỗ trợ, trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn gửi báo cáo kết quả thẩm định cho Sở Tài chính về nội dung lựa chọn và cấp hỗ trợ kinh phí cho HTX kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị (Tờ trình cần nêu rõ cơ sở lựa chọn HTX, số HTX lựa chọn, số tiền đề nghị hỗ trợ), Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo đủ điều kiện hỗ trợ, trong thời gian 02 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phải có văn bản thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn cho tổ chức sản xuất chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (trong thời gian 03 ngày làm việc) theo đúng quy định. Trường hợp các HTX không hoàn

thiện được hồ sơ theo quy định thì không được hỗ trợ; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn báo cáo UBND tỉnh lý do không hỗ trợ các HTX.

Bước 3: Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài chính kiểm tra, trình UBND tỉnh quyết định lựa chọn và cấp hỗ trợ kinh phí cho các HTX kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị (trong Tờ trình thể hiện rõ hỗ trợ 70% kinh phí mua giống, vật tư, phân bón, máy móc thiết bị).

Bước 4: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định cấp hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh và thông báo số tài khoản của các HTX; hồ sơ, chứng từ mua bán giống, vật tư, phân bón, máy móc thiết bị bản công chứng, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn cấp Lệnh chi tiền cho các HTX.

Bước 5: Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Liên minh các hợp tác xã tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các HTX tổ chức thực hiện theo đúng phương án đã được phê duyệt và định kỳ hàng quý đánh giá hiệu quả hoạt động của các HTX, đồng thời tổng hợp báo cáo kết quả về UBND tỉnh. Trường hợp phát hiện các HTX hoạt động không đúng mục đích hoặc không có hiệu quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi kinh phí đã hỗ trợ.

Bước 6: Hàng năm, Sở Tài chính tiến hành xét duyệt quyết toán kinh phí đã hỗ trợ theo quy định. Các HTX có trách nhiệm lập, lưu giữ đầy đủ các hồ sơ, chứng từ liên quan đến sử dụng khoản kinh phí được hỗ trợ để làm căn cứ thanh quyết toán theo quy định. Kinh phí hỗ trợ các HTX kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị được tổng hợp vào báo cáo quyết toán ngân sách địa phương hàng năm theo quy định hiện hành.

### **3. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông lâm nghiệp (Điều 5, Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND)**

#### ***3.1. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất đối với lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi:***

Bước 1: Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại (sau đây gọi là tổ chức sản xuất) căn cứ vào điều kiện, nội dung, thời gian, mức, phương thức hỗ trợ quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND lập và gửi hồ sơ đến UBND các huyện, thành phố (qua phòng một cửa). Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- Phương án, kế hoạch sản xuất có xác nhận của UBND cấp xã (Các tổ chức sản xuất căn cứ vào điều kiện đất đai, nguồn nhân lực và đánh giá thị trường tiến hành lập phương án, kế hoạch sản xuất (theo mẫu số 04).

- Đơn đề nghị thẩm định phương án, kế hoạch sản xuất (theo mẫu số 05).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc hợp đồng thuê đất.

- Giấy chứng nhận kinh tế trang trại (nếu là đối tượng Trang trại); giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn là Gia trại (nếu là đối tượng Gia trại); giấy chứng nhận đăng ký HTX (nếu là đối tượng HTX), hợp đồng hợp tác của các thành viên có xác nhận của địa phương (nếu là Tổ hợp tác).

- Chứng chỉ (hoặc bằng cấp, kinh nghiệm thực tế) của cán bộ kỹ thuật trực tiếp làm mô hình.

Bước 2: UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị của các tổ chức sản xuất trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đảm bảo đáp ứng các điều kiện để được nhận hỗ trợ, trong thời gian 02 ngày làm việc cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định trình UBND các huyện, thành phố quyết định phê duyệt các tổ chức sản xuất thuộc diện được hỗ trợ lãi suất.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chưa đảm bảo đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định phải có văn bản thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn các tổ chức sản xuất chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (trong thời gian 03 ngày) theo đúng quy định. Trường hợp các tổ chức sản xuất không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì không được hỗ trợ lãi suất; cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định báo cáo UBND huyện, thành phố lý do không hỗ trợ đối với các tổ chức sản xuất.

Bước 3: Trên cơ sở đề nghị của cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định và các quy định hiện hành, UBND các huyện, thành phố quyết định phê duyệt các tổ chức sản xuất được hỗ trợ lãi suất. Trình tự, thủ tục vay vốn và hỗ trợ lãi suất theo hướng dẫn tại mục 1 nêu trên.

### **3.2. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất đối với lĩnh vực Lâm nghiệp:**

Nội dung hỗ trợ chuyển đổi rừng trồng kinh doanh từ cây gỗ nhỏ thành rừng cây gỗ lớn:

Trước tháng 10 hàng năm, các HTX, Tổ hợp tác căn cứ vào diện tích rừng hiện có xây dựng phương án chuyển đổi ghi rõ diện tích thực hiện chuyển đổi, địa điểm thực hiện chuyển đổi và thời gian thực hiện chuyển đổi và cam kết thực hiện gửi Hạt kiểm lâm huyện, thành phố. Hạt kiểm lâm huyện có trách nhiệm thẩm định kế hoạch chuyển đổi của các HTX, Tổ hợp tác và tổng hợp danh sách các HTX, Tổ hợp tác thực hiện chuyển đổi trình UBND huyện ra quyết định phê duyệt hỗ trợ từ ngày 01 tháng 01 năm kế tiếp trở đi. Hàng năm Hạt kiểm lâm chịu trách nhiệm nghiệm thu và tiến hành thanh toán hỗ trợ theo kết quả nghiệm thu.

## **4. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm (Điều 6 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND)**

### **4.1. Đối với nội dung hỗ trợ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã thu mua sản phẩm nông lâm nghiệp cho người dân để chế biến tiêu thụ:**

Bước 1: Các Doanh nghiệp, HTX căn cứ vào điều kiện, nội dung, thời gian, mức, phương thức hỗ trợ quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND lập và gửi hồ sơ đến Sở Công Thương. Hồ sơ gồm:

- Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất vay sau đầu tư có xác nhận của chính quyền địa phương (theo mẫu số 02);

- Phô tô giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập có đóng dấu của đơn vị;

- Hợp đồng bao tiêu sản phẩm (có tổng giá trị từ 2.000 triệu đồng trở lên) bản công chứng;

- Phô tô hợp lệ hồ sơ tài chính vay vốn của các tổ chức tín dụng;

- Các chứng từ liên quan đến giải ngân, trả nợ cho hợp đồng tín dụng liên quan đến dự án xin hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan thẩm định theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ đảm bảo đáp ứng các điều kiện để được nhận hỗ trợ, Sở Công Thương trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt các Doanh nghiệp, HTX thuộc diện được hỗ trợ lãi suất.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo đủ điều kiện hỗ trợ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn cho các Doanh nghiệp, HTX chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (trong thời gian 05 ngày) theo đúng quy định. Trường hợp Doanh nghiệp, HTX không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì không được hỗ trợ lãi suất; Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh lý do không hỗ trợ đối với các Doanh nghiệp, HTX.

Bước 3: Trên cơ sở đề nghị của Sở Công Thương và các quy định hiện hành, UBND tỉnh quyết định phê duyệt các Doanh nghiệp, HTX được hỗ trợ lãi suất. Sau khi có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh thì Doanh nghiệp, HTX thực hiện trình tự, thủ tục vay vốn và thanh toán hỗ trợ lãi suất theo hướng dẫn tại mục 1 nêu trên.

**4.2. Đối với nội dung hỗ trợ chi phí xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 02 điểm trung bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm:**

**4.2.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Các Doanh nghiệp, HTX căn cứ vào điều kiện, nội dung, phương thức hỗ trợ quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND, lập và gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ xây dựng và mua sắm thiết bị cho 02 Điểm trung bày tại thành phố Bắc Kạn và thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể đến Sở Công Thương. Hồ sơ đề nghị được hỗ trợ gồm:

- Giấy đề nghị hỗ trợ xây dựng và mua sắm trang thiết bị điểm trung bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm có xác nhận của chính quyền địa phương (theo mẫu số 02);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập có đóng dấu của đơn vị;

- Phương án bố trí, sắp xếp kinh doanh và đánh giá tác động của Điểm trung bày đối với kinh tế - xã hội của địa phương (theo mẫu số 06);

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, tổng dự toán chi tiết các hạng mục của Điểm trung bày theo quy định về xây dựng cơ bản hiện hành;

- Giấy phép xây dựng;

- Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục công trình của dự án theo quy định;

- Hồ sơ chứng từ mua sắm trang thiết bị Điểm trung bày theo quy định;

- Thông báo thẩm định quyết toán công trình của Sở Tài chính;

Bước 2: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và đơn vị có liên quan thẩm định theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, Sở Công Thương chuyển hồ sơ và biên bản thẩm định sang Sở Tài chính để Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định lựa chọn Doanh nghiệp, HTX và cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện trong thời gian 02 ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo đủ điều kiện hỗ trợ, trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Công Thương phải thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn cho Doanh nghiệp, HTX chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (trong thời hạn 05 ngày làm việc) theo đúng quy định. Trường hợp Doanh nghiệp, HTX không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì không được hỗ trợ kinh phí. Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh lý do không hỗ trợ đối với các Doanh nghiệp, HTX.

Bước 3: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt và cấp hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh và thông báo số tài khoản của Doanh nghiệp, HTX, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn cấp Lệnh chi tiền cho Doanh nghiệp, HTX. Kinh phí hỗ trợ chi phí xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 02 điểm trung bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm được tổng hợp vào báo cáo quyết toán ngân sách địa phương hàng năm theo quy định hiện hành.

#### 4.2.2. Yêu cầu, điều kiện áp dụng:

- Diện tích tối thiểu của Điểm trung bày tại thành phố Bắc Kạn là 80m<sup>2</sup>/Điểm, tại thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể là 60m<sup>2</sup>/Điểm;

- Doanh nghiệp, HTX có khả năng tài chính đảm bảo hoạt động ổn định của Điểm trung bày. Có cam kết duy trì hoạt động ổn định của Điểm trung bày từ 05 năm trở lên (Nếu không thực hiện dự án đúng mục đích, nội dung và thời gian hoạt động ổn định, Doanh nghiệp, HTX sẽ phải hoàn trả toàn bộ kinh phí ngân sách đã hỗ trợ, trừ trường hợp do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định);

- Các hạng mục xây dựng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng phê duyệt thiết kế và dự toán;



- Có phương án kinh doanh đảm bảo hiệu quả và hoạt động ổn định, lâu dài, bền vững.

4.2.3. Trong trường hợp, cùng thời điểm có từ 02 Doanh nghiệp, HTX trở lên đều đáp ứng các tiêu chuẩn trên thì ưu tiên lựa chọn đơn vị để hỗ trợ theo các tiêu chí:

- Điểm trung bày có vị trí mặt bằng thuận lợi cho hoạt động trung bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm (đọc đường trục chính nội thành, thị trấn, vị trí thuận lợi cho lưu thông, trung chuyên, khu vực đông dân cư);

- Doanh nghiệp, HTX có kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp của địa phương;

- Doanh nghiệp, HTX có cam kết ký hợp đồng tiêu thụ ít nhất 10 sản phẩm hàng hoá của tỉnh Bắc Kạn với các doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân trên địa bàn tỉnh để đưa vào Điểm trung bày.

**4.3. Về bố trí kinh phí thực hiện đánh giá, xếp loại, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa:**

Hàng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất, Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tiến hành lập kế hoạch tổ chức việc đánh giá, xếp loại, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm trình UBND tỉnh phê duyệt. Đồng thời vào thời điểm xây dựng dự toán hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ được giao Sở Công Thương lập dự toán kinh phí thực hiện đánh giá, xếp loại, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách địa phương để báo cáo UBND, trình HĐND tỉnh quyết định. Sau khi thực hiện xong kinh phí thực hiện đánh giá, xếp loại, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm hàng hóa, Sở Công Thương thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành của nhà nước.

**5. Trình tự hỗ trợ kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT(Điều 7 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND)**

Bước 1: Các tổ chức sản xuất căn cứ vào điều kiện, nội dung, phương thức hỗ trợ quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND lập và gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến UBND huyện, thành phố (qua phòng một cửa). Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (nếu đề nghị hỗ trợ 100% kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm). Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT (Nếu đề nghị hỗ trợ 100% kinh phí cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT) (theo mẫu số 02);

- Bản sao chứng thực giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các kết quả đánh giá quá trình sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại đề nghị.

- Biên lai nộp các loại phí, lệ phí liên quan đến việc thẩm định, cấp giấy

chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc hợp đồng, hóa đơn, biên lai thu phí, lệ phí liên quan đến chứng nhận các HTX, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT.

Bước 2: UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đảm bảo đáp ứng các điều kiện để được nhận hỗ trợ, trong thời gian 02 ngày làm việc cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định trình UBND các huyện, thành phố quyết định phê duyệt các tổ chức sản xuất thuộc diện được hỗ trợ lãi suất.

- Trường hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chưa đảm bảo đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định phải có văn bản thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn các tổ chức sản xuất chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (trong thời gian 03 ngày) theo đúng quy định; nếu các tổ chức sản xuất không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì không được hỗ trợ lãi suất; cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định báo cáo UBND huyện, thành phố lý do không hỗ trợ đối với các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại.

Bước 3: Trên cơ sở đề nghị của cơ quan chuyên môn được giao chủ trì thẩm định và các quy định hiện hành, UBND các huyện, thành phố quyết định phê duyệt các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, trang trại, gia trại được hỗ trợ kinh phí.

Bước 4: Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp hỗ trợ kinh phí của UBND huyện, thành phố và thông báo số tài khoản của các tổ chức sản xuất, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố phối hợp với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch cấp lệnh chi tiền cho các tổ chức sản xuất. Trường hợp các tổ chức sản xuất không có tài khoản giao dịch thì Kho bạc Nhà nước thực hiện chi tiền mặt cho các tổ chức sản xuất.

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập dự toán kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách địa phương để báo cáo UBND, trình HĐND tỉnh quyết định. Kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn QCVN 01-132:2013/BNNPTNT được quyết toán theo quy định hiện hành của nhà nước.

## **6. Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách đất đai (Điều 8 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND)**

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí để tiến hành đo đạc, cắm mốc và lập bản đồ giải thửa trước khi tích tụ đất và thực hiện hoàn trả sau khi không có nhu cầu hoặc hết thời gian thuê đất của các tổ chức. Các bước tiến hành thực hiện cụ thể như sau:

Bước 1: Căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, nhu cầu sử dụng đất của dự án, UBND cấp huyện và UBND cấp xã tổ chức họp dân để thông báo chủ trương đầu tư, phạm vi thực hiện tập trung, tích tụ đất đai. Tổ chức thống kê các hộ gia đình, cá nhân có đất cho thuê để tập trung, tích tụ đất đai. Bao gồm: Số hộ, diện tích, loại đất của từng hộ, tổng diện tích thực hiện.

Bước 2: Trên cơ sở kết quả thống kê các hộ gia đình, cá nhân cho thuê đất, phạm vi tích tụ đất đai để thực hiện dự án, UBND cấp huyện lập phương án thi công đo đạc, cắm mốc khu vực thực hiện dự án theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính (*trong đó cần nêu rõ các nội dung: Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc, giải pháp kỹ thuật, dự toán kinh phí thực hiện*), trình cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

Bước 3: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt phương án thi công đo đạc, cắm mốc để thực hiện tập trung, tích tụ đất đai; đồng thời cấp kinh phí thực hiện đo đạc, cắm mốc, lập hồ sơ quản lý đất đai cho UBND cấp huyện để triển khai thực hiện.

Bước 4: Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt phương án thi công đo đạc, cắm mốc, UBND cấp huyện lựa chọn đơn vị tư vấn đủ điều kiện, ký hợp đồng tư vấn đo đạc, cắm mốc; chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp xã nơi có đất, đơn vị tư vấn tiến hành đo đạc, xác định cụ thể về diện tích, loại đất của từng chủ sử dụng đất trong phạm vi thực hiện dự án và lập hồ sơ quản lý đất đai theo quy định tại Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

Bước 5: Trên cơ sở kết quả đo đạc, cắm mốc, hồ sơ quản lý đất đai, UBND cấp huyện ký hợp đồng thuê đất với các chủ sử dụng đất, chuyển hồ sơ về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để thực hiện các thủ tục ký hợp đồng thuê đất và bàn giao đất cho Nhà đầu tư thuê thực hiện dự án; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu và chi trả kinh phí đo đạc, cắm mốc cho đơn vị tư vấn.

Bước 6: Khi hết thời hạn thuê đất hoặc Nhà đầu tư trả lại đất khi không còn nhu cầu sử dụng đất thì việc bàn giao đất cho các chủ sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. UBND cấp huyện chủ trì tổ chức xác định cụ thể vị trí, ranh giới của từng thửa đất tại thực địa để bàn giao lại đất cho các chủ sử dụng đất và thanh lý hợp đồng thuê đất.

Trường hợp UBND cấp huyện không thể xác định được vị trí, ranh giới của từng thửa đất tại thực địa để bàn giao lại đất cho các chủ sử dụng đất thì UBND cấp huyện thuê đơn vị tư vấn để thực hiện đo đạc, cắm mốc ngoài thực địa đồng thời lập phương án đo đạc, cắm mốc trình UBND tỉnh phê duyệt, cấp kinh phí tổ chức thực hiện.

Bước 7: Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập dự toán kinh phí đo đạc, cắm mốc và lập bản đồ giải thửa trước khi tích tụ đất gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách địa phương để báo cáo UBND, trình HĐND tỉnh quyết định. Kinh phí đo đạc, cắm mốc và lập bản đồ giải thửa trước khi tích tụ đất được thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Riêng đối với nội dung tại khoản 2, Điều 8 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có đề án riêng.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020 đã được ban hành tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các tổ chức, cá nhân báo cáo kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

*Nơi nhận:*

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TC, CT, TN&MT, KH&ĐT, KH&CN;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Kho Bạc NN tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Điều phối tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NCTH, NLN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Thị Minh Hoa**

Mẫu số 01/HTLS/2017

KHÁCH HÀNG .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /GDN-HTLS

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHO VAY HỖ TRỢ LÃI SUẤT**

Theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh và  
Quyết định số .... /QĐ-UBND ngày ..... của UBND tỉnh

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân (cấp xã) .....

- Ngân hàng (tên TCTD cho vay).....

- Tên khách hàng vay (tổ chức, cá nhân):.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Tên người đại diện:..... Chức vụ:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân  
tỉnh Bắc Kạn Ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc  
Kạn giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số... /QĐ-UBND ngày ..... của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về việc.....

Chúng tôi đề nghị: Ngân hàng ..... (tổ chức tín  
dụng nơi cho vay) cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định đối với các khoản vay mới thuộc đối  
tượng: (\*). .....

Chúng tôi cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về cho vay và hỗ trợ lãi  
suất theo các quy định của TCTD, của UBND tỉnh và các cam kết trong hợp đồng tín  
dụng; sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng đối tượng được hỗ trợ lãi suất; hoàn trả ngay  
số tiền đã được hỗ trợ lãi suất, nếu sử dụng tiền vay không đúng mục đích của đối tượng  
hỗ trợ lãi suất ghi trong HĐTD; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra  
vi phạm./.

Bắc Kạn, ngày tháng năm 201..

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

**KHÁCH HÀNG VAY**

CẤP XÃ .....

(ký tên và đóng dấu/nếu có)

UBND xã xác nhận.....

....., Ngày tháng năm 201...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Khách hàng lập khi phát sinh khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất theo quy  
định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND.

- (\*) Căn cứ các đối tượng nêu tại mặt sau của Mẫu này để khách hàng ghi đối tượng  
vay. Ví dụ: Khách hàng ghi: "vay vốn để mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất theo điểm b,  
khoản 1, điều 4, Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND"

Chú thích về đối tượng vay vốn được hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND:

1. Khách hàng là hợp tác xã hoạt động trên địa bàn các phường, thị trấn trong tỉnh vay vốn để mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.

2. Khách hàng là các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, gia trại vay vốn để: sản xuất rau áp dụng công nghệ cao, sản xuất rau đạt quy chuẩn kỹ thuật QCVN 01 -132:2013/BNNPTNT và các tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm khác; để thực hiện trồng mới và cải tạo diện tích cam quýt, hồng không hạt, mơ vàng, chè, cây dược liệu và một số cây trồng khác có giá trị kinh tế cao; để đầu tư chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn, dê); để trồng cây gỗ lớn.

3. Khách hàng là các doanh nghiệp hợp tác xã thu mua sản phẩm rau, củ quả, cây dược liệu, chăn nuôi từ người dân để chế biến, tiêu thụ.

Mẫu số 02:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

Hỗ trợ .....

*(Theo Nghị quyết 08/2017NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh)*

1. Tên Tổ chức đề nghị hỗ trợ:.....

2. Địa chỉ:.....

Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn để được hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết 08/2017NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của HĐND tỉnh Bắc Kạn tại hướng dẫn..... của UBND tỉnh Bắc Kạn,..... (tên tổ chức đề nghị) đề nghị UBND huyện.....xem xét hỗ trợ với nội dung cụ thể như sau:

3. Nội dung đề nghị hỗ trợ:.....

.....  
.....

4. Hồ sơ kèm theo gồm:

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày.....tháng .....năm .....

**Tổ chức, cá nhân**

*(ký tên, đóng dấu)*

**XÁC NHẬN CỦA UBND**

**XÃ, PHƯỜNG, TT**

Mẫu số 03: Phương án sản xuất của HTX kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN**

Sản xuất .....

- Tên tổ chức:
- Địa chỉ:.....
- Phương án sản xuất theo phương thức: Thực hiện việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ và đầu tư sản xuất theo chuỗi giá trị.
- Đối tượng (nuôi, trồng): .....
- Quy mô sản xuất: .....
- Địa điểm thực hiện (nêu rõ có đảm bảo hay không): thôn, tổ ..... xã, thị trấn.....huyện.....
- Thời gian thực hiện:
  1. Căn cứ xây dựng phương án, kế hoạch
  2. Mục tiêu
  3. Nội dung
- Loại hình ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, đầu tư sản xuất theo chuỗi giá trị.
- Nêu rõ từng bước trong quy trình thực hiện chuỗi giá trị từ khâu thiết kế, sản xuất và giao sản phẩm chất lượng đến tay người sử dụng đối với từng mặt hàng.
- Nguồn vốn thực hiện:
  - + Vốn tự có
  - + Vốn đi vay
- Nguồn nhân lực và các điều kiện khác.
- .....
- 4. Giải pháp
  - Giải pháp về quản lý.
  - Giải pháp về kỹ thuật
  - Giải pháp về tài chính
- 5. Tổ chức, thực hiện
- 6. Đề xuất, kiến nghị

....., ngày.....tháng .....năm .....

**Tổ chức.....**

(ký tên, đóng dấu nếu có)

Xác nhận của địa phương

Mẫu số 04: Phương án, kế hoạch sản xuất:



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN (KẾ HOẠCH)**

Sản xuất .....

- Tên tổ chức:
- Địa chỉ:.....
- Phương án sản xuất theo phương thức: (gia trại, trang trại, tổ hợp tác, HTX,..)

- Đối tượng (nuôi, trồng): .....quy mô.....
- Địa điểm thực hiện: thôn, tổ ..... xã, thị trấn.....huyện.....

- Thời gian thực hiện:

1. Căn cứ xây dựng phương án, kế hoạch
2. Mục tiêu
3. Nội dung
4. Kinh phí thực hiện.

- Nguồn tự có.

- Nguồn đi vay.

5. Giải pháp

- Giải pháp về quản lý.

- Giải pháp về kỹ thuật

- Giải pháp về tài chính

6. Tổ chức, thực hiện

7. Đề xuất, kiến nghị

*Kèm theo phương án, kế hoạch là các hồ sơ liên quan, gồm:*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc hợp đồng thuê đất.
- Giấy chứng nhận đạt điều kiện là: Gia trại, Trang trại, Tổ hợp tác, HTX.
- Chứng chỉ (hoặc bằng cấp, kinh nghiệm thực tế) của cán bộ kỹ thuật trực tiếp làm mô hình.

....., ngày.....tháng .....năm .....

**Tổ chức.....**

*(ký tên, đóng dấu nếu có)*

Xác nhận của địa phương

Mẫu số 05:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

Xem xét thẩm định Phương án, Kế hoạch thực hiện mô hình...

1. Tên Tổ chức, đề nghị:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Nội dung đề nghị:.....
4. Hồ sơ kèm theo gồm:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày.....tháng .....năm .....

**Tổ chức.....**

*(ký tên, đóng dấu nếu có)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KINH DOANH**  
ĐIỂM TRUNG BÀY, GIỚI THIỆU VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM HÀNG HÓA  
TỈNH BẮC KẠN

1. Tổng quan về Điểm trưng bày giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hoá

- Tên đơn vị (Chủ dự án):
- Địa điểm thực hiện:
- Ngành nghề kinh doanh:
- Mục tiêu, quy mô:
- Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

2. Kết quả nghiên cứu thị trường (thị trường trọng tâm, khách hàng, chiến lược kinh doanh...)

3. Phương án kỹ thuật (sản phẩm, nhà cung cấp, bố trí mặt bằng, giải pháp xây dựng, kế hoạch mua sắm và sử dụng trang thiết bị, tiến độ thực hiện)

4. Kế hoạch về tổ chức và nhân sự

5. Tài chính của dự án (tổng đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, kế hoạch trả nợ vay,...)

6. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và rủi ro

7. Đề xuất, kiến nghị

Bắc Kạn, ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện.....

(ký tên, đóng dấu)

